

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 11

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ÂU CỐ	BÌNH THỚI	RANH QUẬN TÂN BÌNH	20.200
2	BÌNH DƯƠNG THI XÃ	ÂU CỐ	ÔNG ÍCH KHIÊM	9.600
3	BÌNH THỚI	LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	19.400
		MINH PHỤNG	LẠC LONG QUÂN	17.010
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ LỮ GIA			14.040
5	CÔNG CHỨA NGỌC HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		14.040
6	ĐẶNG MINH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		17.200
7	ĐÀO NGUYỄN PHỔ	TRỌN ĐƯỜNG		17.200
8	ĐỖ NGỌC THANH	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
9	ĐỘI CUNG (QUÂN SỰ CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		14.040
10	ĐƯỜNG 100 BÌNH THỚI	BÌNH THỚI	HÈM 86 ÔNG ÍCH KHIÊM	11.340
11	ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	17.200
12	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	36.450
		LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	34.290
13	ĐƯỜNG 702 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	DỰ PHÓNG	12.150
14	ĐƯỜNG 762 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	10.800
15	ĐƯỜNG SỐ 2 CƯ XÁ LỮ GIA	ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	21.200
16	ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	21.200
17	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 9	CƯ XÁ BÌNH THỚI		17.550
18	ĐƯỜNG SỐ 3, 7	CƯ XÁ BÌNH THỚI		17.550
19	ĐƯỜNG SỐ 3A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		15.120
20	ĐƯỜNG SỐ 4,6,8	CƯ XÁ BÌNH THỚI		15.120
21	ĐƯỜNG SỐ 5A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		15.120
22	ĐƯỜNG SỐ 7A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		15.120
23	DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		18.900
24	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		19.000
25	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		19.000
26	HÀN HẢI NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
27	HÀN HẢI NGUYỄN (NÓI DÀI)	PHÚ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	16.200
28	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	TÂN HÓA	24.300
29	HOÀNG ĐỨC TƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.660
30	HÒA BÌNH	LẠC LONG QUÂN	RANH QUẬN TÂN PHÚ	19.800
31	HÒA HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
32	HUYỆN TOẠI	TRỌN ĐƯỜNG		11.340
33	KHUÔNG VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		14.040

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
34	LẠC LONG QUÂN	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	HÒA BÌNH	20.600
		HÒA BÌNH	ÂU CƠ	22.000
35	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	TRỌN ĐƯỜNG		15.120
36	LÃNH BÌNH THẮNG	ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỐI	22.000
37	LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	ĐƯỜNG 3/2	22.000
		ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỐI	36.600
38	LÊ THỊ BẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		15.120
39	LÊ TUNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.340
40	LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN THỊ NHỎ	34.800
41	LÒ SIÊU	QUÂN SỰ	ĐƯỜNG 3/2	12.150
		ĐƯỜNG 3/2	HÔNG BÀNG	18.000
42	LÝ NAM ĐỀ	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	22.000
43	LÝ THƯỜNG KIẾT	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN CHÍ THANH	39.600
44	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		23.800
45	NGUYỄN BA HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
46	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÊ ĐẠI HÀNH	35.100
		LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	32.400
		NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	23.760
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	HÔNG BÀNG	24.300
48	NGUYỄN THỊ NHỎ (NÓI DÀI)	BÌNH THỐI	THIÊN PHƯỚC	19.400
49	NGUYỄN VĂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		11.340
50	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÝ NAM ĐỀ	21.600
		LÝ NAM ĐỀ	CUỐI ĐƯỜNG	14.040
50,2	PHÓ CƠ ĐIỀU	TRẦN QUÝ	NGUYỄN CHÍ THANH	24.200
51	ÔNG ÍCH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		25.600
52	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
53	PHÓ CƠ ĐIỀU	ĐƯỜNG 3/2	TRẦN QUÝ	26.400
54	PHÚ THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		15.390
55	QUÂN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		14.040
56	TÂN HÓA	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
57	TÂN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		19.000
58	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÝ NAM ĐỀ	17.600
		LÊ ĐẠI HÀNH	LÊ THỊ RIÊNG	22.000
59	TÂN THÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÒ SIÊU	14.040
60	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		37.400
61	THÁI PHIÊN	ĐỘI CUNG	ĐƯỜNG 3/2	14.040
		ĐƯỜNG 3/2	HÔNG BÀNG	19.000
62	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ (NÓI DÀI)	LÝ THƯỜNG KIẾT	13.500
63	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		20.200
64	TÔN THẤT HIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		20.200
65	TỔNG LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.150
66	TỔNG VĂN TRẦN	TRỌN ĐƯỜNG		14.040
67	TRẦN QUÝ	LÊ ĐẠI HÀNH	TẠ UYÊN	24.600
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	20.600
68	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	ÂU CƠ	TỔNG VĂN TRẦN	8.640

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
69	TUỆ TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
70	VĨNH VIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
71	XÓM ĐẤT	TRỌN ĐƯỜNG		20.200
72	ĐƯỜNG KÊNH TÂN HÓA	HÒA BÌNH	ĐƯỜNG TÂN HÓA	12.870

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ